TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-4-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Viển.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Và Dưỡng.

2. Bà Lương Thanh Kỳ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm C khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 36/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mai L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 2, Ấp 5, xã , huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 2, Ấp 5, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2023; bản tự khai ngày 17/3/2023 nguyên đơn chị Trần Thị Mai L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã La Ngà, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 04/7/2014. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh T không chăm lo cho gia đình, vợ con. Vì những điều này mà vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng trong cuộc sống. Bản thân chị đã cố gắng chịu đựng nhưng anh T vẫn không thay đổi. Nay chị

nhận thấy không còn tình cảm với anh T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn T.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung Đặng Trần Thành C, sinh ngày 05/02/2017 và Đặng Trần Thành Đạt, sinh ngày 14/3/2020. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu C và cháu Đạt.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi con chung 3.000.000 đồng/tháng, tổng 02 con chung là 6.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 22/3/2023 bị đơn là anh Đặng Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Mai L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã La Ngà, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 04/7/2014. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau và hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh thì anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung Đặng Trần Thành C sinh ngày 05/02/2017 và Đặng Trần Thành Đạt sinh ngày 14/3/2020. Khi ly hôn anh đồng ý giao 02 con chung là cháu C và cháu Đạt cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi con chung 3.000.000 đồng/tháng, tổng 02 con chung là 6.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 31/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ có C văn số 36/CV-VKS-DS về việc Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm do xét thấy vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Đặng Văn T có nơi cư trú tại xã La Ngà, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị Mai L yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Đặng Văn T nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Trần Thị Mai L là nguyên đơn; anh Đặng Văn T là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Trần Thị Mai L và bị đơn anh Đặng Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị L và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã La Ngà, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 04/7/2014 nên được C nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mai L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị L và anh T đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng đã xảy ra những bất đồng, mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đã sống ly thân, mặt khác anh T cũng đồng ý ly hôn với chị L. Tại Điều của 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các C việc trong gia đình…**có nghĩa vụ sống chung với nhau***". Tuy nhiên, kể từ khi chị L, anh T không còn sống chung với nhau thì hai người cũng không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng; cuộc sống chung không còn; mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị L yêu cầu xin ly hôn với anh T là có căn cứ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, giải quyết cho chị L được ly hôn với anh T theo Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung Đặng Trần Thành C, sinh ngày 05/02/2017 và Đặng Trần Thành Đạt, sinh ngày 14/3/2020. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và anh T cũng đồng ý với yêu cầu trên. Xét thấy các con chung hiện đang chung sống với chị L, hiện các con chung đang phát triển bình thường, khỏe mạnh, được đi học đầy đủ. Đồng thời chị L cũng có thu nhập ổn định, có đạo đức tốt. Xét thấy việc giao cháu C và cháu Đạt cho chị L nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định về các tâm sinh lý cũng như sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên, căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung Đặng Trần Thành C, sinh ngày 05/02/2017 và Đặng Trần Thành Đạt, sinh ngày 14/3/2020 cho chị L trực tiếp trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi con chung 3.000.000 đồng/tháng, tổng 02 con chung là 6.000.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2023 cho đến

khi con chung đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi con chung 3.000.000 đồng/tháng, tổng 02 con chung là 6.000.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Do đó, buộc anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 6.000.000đ/02 con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Trần Thị Mai L chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Anh Đặng Văn T chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với việc cấp dưỡng nuôi con theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mai L. Chị Trần Thị Mai L được ly hôn với anh Đặng Văn T.

2) Về con chung: Giao con chung Đặng Trần Thành C sinh ngày 05/02/2017 và Đặng Trần Thành Đạt sinh ngày 14/3/2020 cho chị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con:

Anh Đặng Văn T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 6.000.000đ/02 con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3) Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4) Về án phí: Chị Trần Thị Mai L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 0004126 ngày 03/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị L đã nộp đủ án phí.

Anh Đặng Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với việc cấp dưỡng nuôi con.

5) Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Mai L và anh Đặng Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã La Ngà
(giấy CNKH số 90, ngày 04/7/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Viển